

tháng 6 năm 2000 và thay thế Thông tư số 03/1998/TT- BVHTT ngày 22 tháng 6 năm 1998 của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Điều 12. Các Sở Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể để thực hiện Thông tư này tại địa phương mình và thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền.

Điều 13. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Thứ trưởng

LƯU TRẦN TIÊU

QUYẾT ĐỊNH số 10/2000/QĐ-BVHTT
ngày 15/5/2000 về việc ban hành
Quy chế Hoạt động triển lãm mỹ
thuật và Gallery.

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

Căn cứ Nghị định số 81/CP ngày 08/11/1993 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy của Bộ Văn hóa - Thông tin;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Mỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này:

- Quy chế Hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery.

- Mẫu đơn xin phép, mẫu giấy phép (*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quy chế Hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery ban hành kèm theo Quyết định số 03/1999/QĐ-BVHTT ngày 02/2/1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Mỹ thuật, Chánh Thanh tra Bộ, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin

Thứ trưởng

NGUYỄN TRUNG KIÊN

QUY CHẾ Hoạt động triển lãm mỹ
thuật và Gallery

(ban hành theo Quyết định số 10/2000/QĐ-BVHTT ngày 15/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Triển lãm mỹ thuật là một hình thức công bố, phổ biến tác phẩm mỹ thuật tạo hình và mỹ thuật ứng dụng (gồm các loại tranh, tượng, phù điêu, gốm nghệ thuật, makét trang trí nội thất, makét trang trí sân khấu, makét trang trí

(*) Không in các mẫu.

diện ảnh, áp phích, nghệ thuật xếp đặt và những loại hình sáng tạo mỹ thuật khác).

Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ có tính hàng hóa tiêu dùng, sản xuất hàng loạt không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nhà nước khuyến khích việc phổ biến rộng rãi những tác phẩm mỹ thuật có giá trị đến nhân dân.

Điều 3. Các triển lãm mỹ thuật do tổ chức, cá nhân của Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài trưng bày tại Việt Nam, triển lãm mỹ thuật của Việt Nam đưa ra nước ngoài phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa thông tin theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Triển lãm của các trường mỹ thuật, trường văn hóa nghệ thuật, trưng bày có tính chất nội bộ thì không phải xin phép.

Điều 4. Những tác phẩm sau đây không được trưng bày hoặc mua, bán:

1. Tác phẩm có nội dung:

a) Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đoàn kết toàn dân;

b) Tuyên truyền bạo lực, chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước; truyền bá tư tưởng, văn hóa phản động, lối sống dâm ô đồi trụy, các hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, bí mật quân sự, an ninh, kinh tế, đối ngoại, bí mật đời tư của công dân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của công dân.

2. Tác phẩm vi phạm pháp luật về quyền tác giả.

Điều 5. Nếu không có sự ủy quyền của Bộ Văn hóa - Thông tin, các triển lãm do tổ chức, cá nhân của Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài tuyển chọn tác phẩm để tổ chức triển lãm ở Việt Nam hoặc đưa ra nước ngoài đều không được lấy danh nghĩa đại diện cho mỹ thuật Việt Nam.

Chương II

THẨM QUYỀN CẤP PHÉP, THỦ TỤC XIN PHÉP HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM

Điều 6. Thẩm quyền cấp phép triển lãm được quy định như sau:

1. Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép:

Triển lãm mang tính quốc gia hoặc quốc tế. Trong một số trường hợp cụ thể Bộ Văn hóa - Thông tin ủy quyền cho Vụ Mỹ thuật cấp giấy phép.

2. Vụ Mỹ thuật cấp giấy phép:

a) Triển lãm do Bộ Văn hóa - Thông tin ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Các triển lãm do tổ chức, cá nhân nước ngoài vào trưng bày tại Việt Nam; triển lãm của tổ chức, cá nhân Việt Nam đưa ra nước ngoài. Trong một số trường hợp, Vụ Mỹ thuật có thể ủy quyền cho Sở Văn hóa Thông tin cấp giấy phép;

c) Triển lãm của Hội Mỹ thuật Việt Nam, các Hội Trung ương, cơ quan cấp Bộ và tương đương.

3. Sở Văn hóa Thông tin cấp giấy phép:

a) Triển lãm của tổ chức, cá nhân, triển lãm mỹ thuật của tỉnh, thành phố, triển lãm mỹ thuật khu vực trưng bày tại địa phương;

b) Triển lãm quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này khi được Vụ Mỹ thuật ủy quyền.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đủ văn bản hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải

cấp giấy phép. Trường hợp từ chối phải có văn bản nói rõ lý do.

Điều 7. Giấy phép được cấp cho triển lãm mỹ thuật di nước ngoài là cơ sở làm thủ tục hải quan.

Điều 8.

1. Tổ chức, cá nhân muốn tổ chức triển lãm phải tuyển chọn tác phẩm, gửi đơn (theo mẫu in sẵn) hoặc công văn, công hàm xin phép cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định tại Điều 6 Quy chế này. Kèm theo đơn hoặc công văn, công hàm phải có các điều kiện sau đây:

a) Danh sách tác phẩm, tác giả, chất liệu, kích thước tác phẩm;

b) Ảnh chụp tác phẩm sẽ triển lãm (ảnh mẫu khuôn khổ 9 x 12cm trở lên) là quy định bắt buộc với những trường hợp sau:

- Triển lãm gửi đi nước ngoài trưng bày;

- Triển lãm của tác giả nước ngoài hoặc do các tổ chức nước ngoài tuyển chọn trưng bày tại Việt Nam;

- Triển lãm theo hình thức nghệ thuật sắp đặt, biểu diễn.

Đối với những triển lãm khác nếu có biên bản tuyển chọn của Hội đồng nghệ thuật thì không cần ảnh chụp tác phẩm. Trường hợp đặc biệt triển lãm không có điều kiện chụp ảnh và cũng không thành lập được Hội đồng tuyển chọn thì cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phải cử cán bộ có chuyên môn đến thẩm định;

c) Mẫu giấy mời, nội dung giới thiệu bằng tiếng Việt. Nếu cần in tiếng nước ngoài phải in dưới và không lớn hơn 2 lần tiếng Việt;

d) Cataloge, tờ gấp và sách mỹ thuật thể hiện nội dung triển lãm (nếu có).

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo đối tượng cụ thể phải có thêm các điều kiện sau đây:

a) Triển lãm đưa ra nước ngoài phải có giấy mời hoặc hợp đồng, văn bản thỏa thuận giữa hai bên;

b) Trường hợp những cá nhân không thuộc một tổ chức, cơ quan, đoàn thể nào muốn triển lãm thì phải được Ủy ban nhân dân phường, xã xác nhận địa chỉ cư trú;

c) Đối với Việt Kiều, phải có xác nhận của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài;

d) Đối với người nước ngoài không thuộc một cơ quan, tổ chức, đoàn thể nào, không có đơn vị nào đứng tên tổ chức triển lãm thì phải có xác nhận vào đơn xin triển lãm của Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán nước mình cư trú. Trường hợp cá nhân, tổ chức là công dân của nước chưa có quan hệ ngoại giao với Việt Nam thì phải có xác nhận của một tổ chức quốc tế.

Điều 9. Việc thẩm định tác phẩm và cấp giấy phép do thủ trưởng cơ quan cấp phép quyết định.

Trường hợp cần thiết cơ quan cấp phép có thể thành lập Hội đồng tư vấn để giúp thủ trưởng cơ quan thẩm định tác phẩm. Nếu thành lập Hội đồng tư vấn thì thành phần của Hội đồng phải có 2/3 các nhà chuyên môn mỹ thuật có uy tín. Hội đồng phải có ít nhất từ 5 người trở lên.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định của cơ quan cấp phép theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

Chương III

HOẠT ĐỘNG TRIỂN LÃM

Điều 11. Địa điểm triển lãm phải có diện tích trưng bày từ 20m² trở lên, có đầy đủ hệ thống ánh sáng, điện, nước, các phương tiện chữa cháy; không ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

Điều 12. Chủ địa điểm triển lãm chỉ được nhận

trưng bày những tác phẩm có trong danh sách đã được cấp giấy phép.

Các hình thức tuyên truyền, quảng cáo, giới thiệu triển lãm phải sử dụng tiếng Việt. Nếu sử dụng tiếng nước ngoài phải thể hiện ở phía dưới và không lớn hơn 2 lần tiếng Việt.

Điều 13. Việc mua bán tác phẩm là do sự thỏa thuận giữa tác giả, hoặc đơn vị được tác giả ủy quyền với bên mua. Khi bán tác phẩm, tác giả phải nộp tỷ lệ % theo hợp đồng thỏa thuận với đơn vị tổ chức triển lãm.

Việc trả tiền cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm trong thời gian triển lãm (nhuận treo) là do đơn vị tổ chức triển lãm và tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm thỏa thuận.

Trong quá trình trưng bày, vận chuyển, dàn dựng triển lãm, nếu tác phẩm bị hư hỏng thì tổ chức, cá nhân gây thiệt hại phải bồi thường, trường hợp tác phẩm bị mất thì phải đền bù cho tác giả hoặc chủ sở hữu tác phẩm theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG GALLERY

Điều 14. Khi Gallery tổ chức triển lãm phải chấp hành các quy định về triển lãm tại Quy chế này.

Điều 15. Nghiêm cấm các Gallery trưng bày, mua bán các cổ vật Nhà nước cấm buôn bán theo quy định hiện hành. Nếu buôn bán tác phẩm sao chép thì bản sao chép phải có kích thước lớn hơn hoặc nhỏ hơn tác phẩm gốc từ 3 cm trở lên, phải giữ đúng nội dung, hình thức như tác phẩm gốc, phải có chữ ký của người chép dưới chữ ký tác giả. Đối với tác phẩm gốc còn trong thời hạn bảo hộ quyền tác giả, việc sao chép tác phẩm đó phải theo quy định của pháp luật về quyền tác giả.

Điều 16. Việc mua bán tác phẩm tại Gallery phải có sổ sách ghi chép, hóa đơn chứng từ rõ ràng, đảm bảo quyền lợi cho tác giả và người mua, khi xuất khẩu phải thực hiện những quy định về xuất khẩu văn hóa phẩm.

Điều 17. Chủ Gallery có trách nhiệm bồi thường cho tác giả khi làm mất hoặc hư hỏng tác phẩm. Mức độ bồi thường do hai bên thỏa thuận.

Điều 18. Chủ Gallery phải chịu sự quản lý của các ngành chức năng theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức, cá nhân hoạt động triển lãm, Gallery khi tổ chức triển lãm mỹ thuật trong nước hoặc triển lãm mỹ thuật ở nước ngoài phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này.

Điều 20. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành.

Điều 21. Vụ Mỹ thuật (Bộ Văn hóa - Thông tin), Sở Văn hóa - Thông tin các tỉnh, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 22. Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Quy chế Hoạt động triển lãm mỹ thuật và Gallery ban hành kèm theo Quyết định số 03/1999/QĐ-BVHTT ngày 02 tháng 2 năm 1999 của Bộ Văn hóa - Thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực./.

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
Thủ trưởng

NGUYỄN TRUNG KIÊN